

Bánh chưng là một sắc thái của Tết Việt Nam. Đã đi vào văn học truyền khẩu:

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ

Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh

Sự tích bánh chưng, bánh dày được ghi lại trong tác phẩm *Lĩnh Nam chích quái* của Trần Thế Pháp (thế kỷ 15?). Tên truyện là CHƯNG BÌNH (Bình là bánh. Chưng bình là bánh chưng). Chưng, nguyên có nghĩa là hấp, chưng cách thủy, luộc. Bánh dày thì bản chữ Hán viết là TRĨ BÌNH.

Truyện chép rằng bánh chưng, bánh dày có sau khi Hùng vương thứ Ba đã phá xong giặc Ân (căn cứ theo truyện Phù Đổng Thiên Vương). Hùng Vương cho gọi hai mươi hai công tử lại bảo ai dâng được vật thực lạ vào dịp cuối năm thì sẽ truyền ngôi.

Đây là một chi tiết đặc sắc của Việt Nam. Nó đối lập với truyền thống phong kiến phương Bắc: ngôi vua truyền cho con trưởng (gọi là thái tử hay thế tử). Với truyện bánh chưng, việc truyền ngôi không theo lệ đó, mà trên cơ sở *thử tài đức*. Vua nói: "Ta muốn truyền ngôi cho đứa nào làm vừa lòng ta là đến kỳ cuối năm biết đem trăn cam mỷ vị đến dâng cúng Tiên vương để *tròn đạo hiếu* thì ta sẽ truyền ngôi cho" (Bản dịch của Lê Hữu Mục, nxb Khai Trí, Sài Gòn 1961, tr.58).

Đặt ra phương thức truyền ngôi như vậy là đối lập với Hán Nho, và làm người ta nghĩ đến tư tưởng tiến bộ của Khổng tử: Không tử bịa ra chuyện truyền hiền bất truyền tử, tức là vua Nghiêu không truyền ngôi cho con đẻ mà chọn kẻ hiền đức trong dân gian là Thuấn, rồi vua Thuấn lại theo gương ấy không đưa con ruột lên nối ngôi mà chọn kẻ thứ dân là Vũ để kế vị.

Trở lại việc thử tài của Hùng vương thứ Ba. Công tử thứ Chín tên là Lang Liêu được thần nhân báo mộng chỉ cách làm bánh: "Trong trời đất không có vật gì quý bằng gạo, vì gạo là

của để nuôi dân, người ta ăn mãi không chán, không có vật gì đứng trước được; nếu lấy gạo nếp hoặc gói làm hình tròn để tượng trời, hoặc gói là hình vuông để tượng đất, ở trong làm nhân cho thật ngon, bắt chước hình trạng trời đất bao hàm vạn vật, ngụ ý cái on trời đất phát dục vạn vật, như thế thì lòng cha sẽ vui, tôn vị chắc được." (Bản dịch Lê Hữu Mục, đã dẫn). Quả nhiên Lang Liêu được giải nhất. "Năm hết (Hùng) Vương dùng bánh ấy dâng lên tiên miếu và cúng phụng cha mẹ, thiên hạ bắt chước truyền đến bây giờ..." (bản dịch đã dẫn, tr.59).

Trong kết thúc truyện có nói rằng dùng bánh dày tròn, bánh chưng vuông để:

Minh họa: LAD



TRIẾT LÝ BÁNH DÀY BÁNH CHƯNG

LÊ ANH DŨNG

- Dâng lên tiên miếu, tức là cúng tổ tiên, và
- Cúng phụng cha mẹ, tức là báo hiếu với cha mẹ đang sống hiện tiền.

Đây cũng là một điểm đối kháng với tư tưởng phong kiến phương Bắc.

Bánh dày tròn tượng Trời và bánh chưng vuông tượng Đất tức là lấy ý của *thiên viên địa phương* (trời tròn đất vuông), theo quan niệm của cổ nhân về vũ trụ, được ghi trong *Kinh Dịch*: Những khí dương trong sạch, nhẹ nhàng, nổi lên trên, bao trùm khắp cả trái đất làm thành hình tròn là trời. Những khí âm vẫn đục, nặng đặc, lắng xuống dưới, thu gọn trong bầu trời làm thành hình vuông là đất" (Theo Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề, *Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt Nam*, nxb Hoa Lư, Sài Gòn 1968, tr.13).

Vua chúa ngày xưa, lấy quyền Thiên tử (con trời), coi mình là độc quyền có vinh dự tế Trời tế Đất hàng

năm. Tế Trời thì đắp gò hình tròn (viên khâu). Tế Đất thì đắp gò hình vuông (phương trạch). Dân chúng không được quyền tế. Sách *Chu lễ* chép: "Ngày Đông chí tế Trời ở đàn Viên khâu, ngày Hạ chí tế Đất ở đàn Phương trạch, đây là lễ vương giả". (Theo Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II, nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1992, tr.28).

Gò đất làm đàn tế thường chọn cách kinh thành 100 dặm, gọi là GIAO, nên tế Trời tế Đất còn gọi là tế Giao. Gọi đủ chữ là Nam giao (tế Trời), Bắc giao (tế Đất). Theo sách *Chu lễ*: "Viên khâu gọi là Nam giao, Phương trạch gọi là Bắc giao." (Phan Huy

Chú, tr.29). *Khang Hi tự điển* giải thích: Đông chí tự thiên vu Nam giao, Hạ chí tự địa vu Bắc giao, cổ vị tự Thiên Địa vi giao. (Ngày Đông chí - tháng 11 âm lịch - tế Trời ở gò phía Nam, ngày Hạ chí - tháng 5 âm lịch - tế Đất ở gò phía Bắc, cho nên tế Trời Đất gọi là tế giao). (Theo Đỗ Trọng Huề, sđd, tr.13).

Gọi tất tế Nam giao và tế Bắc giao là tế Giao cũng có thể do đời sau các vua nhập cả hai lễ làm một. Theo Phan Huy Chú: "Đời sau, lễ tế ở đàn Viên khâu và đàn Phương trạch không làm nữa, chỉ có đầu xuân tế Giao hợp tế cả Trời Đất". (Đã dẫn, tr.29).

Tế Giao gắn liền với văn minh nông nghiệp. Bình dân thì mong ước:

*Lạy Trời mưa xuống
Lấy nước tôi uống
Lấy ruộng tôi cấy
Lấy bát cơm đầy...*

Còn vua chúa thì lấy lễ tế Giao là độc quyền riêng của con Trời (thiên tử) mà

cầu cho được mùa trơ năm. Phan Huy Chú viết "Lễ tế Giao đời cổ có hai nghĩa: một là tế để đón ki h hóa, tức như trong sách *Chu Lễ* nói: Đông chí tế Trời ở đàn Viên khâu; hai là tế để cầu được mùa, tức như thiên *Nguyệt lệnh Kinh Lễ* nói: Ngày mùng tháng Giêng vua tế Trời để cầu được mùa." (Đã dẫn tr.29).

Tóm lại, vua thì đắp gò vuông, gò tròn, lấy lễ độc quyền của bậc vương giả mà hàng năm tế cáo Trời Đất Lễ nghi này được truyền từ phương Bắc sang Việt Nam. Nhưng dân Việt Nam lại có một quan niệm khác. Nể dân không được tiếp quyền vua tế Giao, thì có bái lạy chưng vuông tượng đất, bánh dày tròn tượng trời để nghĩ đến ơn trời đất sinh sản, nuôi dưỡng con người. Vua phải ra ngoài đồng, trồng bắp đàn mà tế. Dân thì tế ở trong nhà, ai ai cũng tế được, cũng mừng dịp đầu năm, tiết xuân, vật sinh sôi nảy nở, tượng cho đức hiếu sinh, ở trường dưỡng của trời đất. Vua thì tế Trời, vì Trời là cha, vua là con (thiên tử) còn dân chúng thì tế tổ tiên, ông bà, dâng mời cha mẹ, coi như cha mẹ, ông bà tổ tiên là trời đất của mình. Vua có cách của vua, dân có cách của dân.

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng, ... (Tự Đức), đó là cái lòng của nghệ sĩ đa tình. Còn đọc lại truyện cổ, huyền thoại của dân tộc để tìm hiểu triết lý Việt Nam, là cái lòng bảo tồn văn hóa dân tộc. Ăn bánh chưng bánh dày gắn liền với thờ cúng tổ tiên, nhưng ngày nay mặc dù bánh vẫn được bày bán quanh năm, nhiều người đã quên không còn nhớ đến ý nghĩa sâu kín của tổ tiên ký thác trong câu chuyện gián dị. Kể cho trẻ trẻ vui nghe thích thú. Người thích tư duy thì nghĩ ngợi gần xa về cái triết lý của đất Lĩnh Nam, cái tình thần tiềm tàng mà đối kháng mãnh liệt. Có lẽ đó là một trong nhiều yếu tố giúp cho dân tộc tồn tại, bền vững trước bao giông bão, thăng trầm lịch sử ♣